

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-8-2023

Về việc: ly hôn giữa
chị M, anh Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Bà Cao Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** ông Lê Quang Hưởng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24-8-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Trần Thị M, sinh năm 1992; có mặt.

Địa chỉ: thôn K 2, xã K, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. **Bị đơn:** anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1990; có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: thôn K 2, xã K, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-4-2023 và các bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: chị kết hôn với anh Đỗ Văn Q là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã K vào ngày 14-12-2016. Sau khi kết hôn được khoảng 03 tháng thì anh Q thường xuyên uống rượu say xỉn, cờ bạc, lơ đãng, không quan tâm chăm sóc vợ con, công việc làm ăn thất thường, không ổn định, thường xuyên xa nhà. Đến cuối năm 2020, anh Q gây sự đập phá đồ đạc, tìm đánh chị được mọi người can ngăn nên chị chạy thoát được. Nhưng sau đó được một thời gian, anh Q tiếp tục rượu chè nhiều hơn, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm hướng khắc phục, hai gia đình khuyên bảo, anh Q đã xin lỗi nhiều lần, nhưng anh Q không thay đổi. Nhiều lần chị bắt gặp anh Q nhắn tin với người phụ nữ khác, nhiều lần anh Q gây sự, bạo hành chị và có lời lẽ xúc phạm chị, từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Chị và anh Q đã sống ly thân từ cuối

tháng 4-2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: chị và anh Q có 01 con chung là Đỗ Thị Lan H, sinh ngày 19-02-2018. Từ khi vợ chồng ly thân chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con, anh Q đi làm xa nhà, khoảng 10 ngày đến 15 ngày về nhà một lần, chị vẫn để anh Q đón và chăm sóc con. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu H.

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai chị yêu cầu anh Q góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đồng.

Tại phiên tòa, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang là nhân viên xuất nhập khẩu công tác tại Công ty TNHH Plummy Garment Việt Nam, địa chỉ: lô CN2, cụm Công nghiệp Hưng Nhân, thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, thu nhập của chị trung bình mỗi tháng từ 6.500.000 đồng đến 6.700.000 đồng.

Về chia tài sản: chị và anh Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai vào các ngày 24-5-2023, 14-8-2023 và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Văn Q trình bày: anh kết hôn với chị M do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào tháng 12-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp.

Tại bản tự khai ngày 24-5-2023, anh xác định vợ chồng mâu thuẫn không lớn, anh vẫn còn tình cảm với vợ, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ; tại bản tự khai ngày 14-8-2023, anh nhất trí ly hôn với chị M.

Về nuôi con chung: anh và chị M có 01 con chung là Đỗ Thị Lan H, sinh ngày 19-02-2018, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị M góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện nay anh đang là lái xe chở hàng (xe Container) Bắc Nam, mỗi tháng anh được về nhà hai lần, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng. Anh không đồng ý để chị M trực tiếp nuôi con. Chị M yêu cầu anh góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh không đồng ý.

Về tài sản chung: anh và chị M tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc của anh lái xe đường dài, không về tham gia phiên tòa được nên đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về

việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Đỗ Văn Q; về nuôi con chung: chị M và anh Q có 01 con chung là Đỗ Thị Lan H, sinh ngày 19-02-2018. Giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về chia tài sản: chị M, anh Q tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] *Về tố tụng*: chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Đỗ Văn Q, địa chỉ: thôn K 2, xã K, huyện Hưng Hà. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “ ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Q có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: chị M kết hôn với anh Q do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 14-12-2016 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, anh Q thiếu quan tâm đến vợ con, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng đã sống ly thân từ cuối tháng 4-2023. Chị M, anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị M, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị M được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: chị M, anh Q có 01 con chung là Đỗ Lan Hương, sinh ngày 19-02-2018. Xét nguyện vọng xin nuôi con của Chị M, anh Q đều là chính đáng. Tuy nhiên, anh Q lái xe đường dài, công việc tự do không cố định, không

thường xuyên ở nhà nên không có thời gian chăm sóc con. Chị M là công nhân làm việc tại địa phương, có thu nhập ổn định. Hơn nữa cháu H còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh Q góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về chia tài sản chung*: chị M, anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: chị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Đỗ Văn Q.
2. Về nuôi con chung: giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Lan H, sinh ngày 19-02-2018, anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về chia tài sản chung: không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004168 ngày 18-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. (chị M đã nộp đủ tiền án phí).
5. Chị M có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Đường sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Chuyên